

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giằng co trong vùng 1,679 – 1,697 trong ngày hôm nay và đóng cửa tại mốc 1,690.99 điểm, tăng nhẹ gần 7 điểm so với hôm qua. 7/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bất động sản, Du lịch giải trí dẫn đầu đà tăng, ở chiều ngược lại ngành Công nghệ thông tin, Hàng & dịch vụ công nghiệp giảm mạnh nhất; số mã giảm nhiều hơn số mã tăng, cho thấy tâm lý tích cực không mang tính bao phủ. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX, HNX và bán ròng trên sàn UPCOM. Trong những phiên tới, VN-Index cần một cây nến chỉ hướng và thanh khoản ủng hộ để vượt qua 1,700, còn nếu không thị trường sẽ rất dễ điều chỉnh khó lường khi giao dịch trong vùng kháng cự.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 4111G1000, 4111G6000.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 28/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+6.67** điểm, đóng cửa tại **1690.99** điểm. HNX-Index **-1.52** điểm, đóng cửa tại **259.91** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+11.31)**, **VPL (+2.34)**, **VNM (+0.97)**, **VHM (+0.37)**, **VRE (+0.31)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.92)**, **FPT (-0.89)**, **GEE (-0.85)**, **BID (-0.70)**, **HPG (-0.59)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **18,431** tỷ đồng, tăng **4.56%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **23,787** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 17.02 điểm. Thị trường có **106** mã tăng, 74 mã tham chiếu, **185** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **335.79** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VNM (241.59 tỷ)**, **VIC (130.74 tỷ)**, **VIX (106.18 tỷ)**, **VPB (99.54 tỷ)**, **PVD (97.38 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **13.85** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.40%**. Các mã diễn biến tích cực:
VNM (+3.23%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVS (+1.26%) [\(Link báo cáo\)](#)
MSB (+0.77%) [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **-0.20%**. Các mã diễn biến tích cực:
VIC (+5.00%) [\(Link báo cáo\)](#)
PVD (+3.09%) [\(Link báo cáo\)](#)
DIG (+1.98%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.40%	-0.20%	0.40%	0.14%
1 tuần	-0.19%	-0.18%	2.18%	1.26%
1 tháng	-0.41%	-2.51%	0.31%	-1.33%
3 tháng	-4.33%	-5.90%	0.52%	3.14%

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,690.99	259.91	118.98
% 1D	0.40%	-0.58%	-0.32%
GTKL (tỷ VND)	18,431	1,235	502
%1D	4.56%	33.79%	31.44%
GDNN (tỷ VND)	335.79	13.85	-5.01

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	241.59	FPT	-133.86
VIC	130.74	VCB	-127.00
VIX	106.18	VJC	-56.35
VPB	99.54	ACB	-55.27
PVD	97.38	MSN	-55.25

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

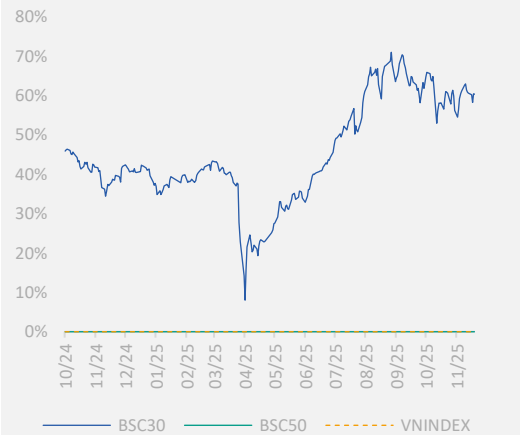
		%D	%W
SPX	6,813	0.69%	2.57%
FTSE100	9,701	0.08%	1.69%
Eurostoxx	5,646	-0.22%	2.18%
Shanghai	3,889	0.34%	1.40%
Nikkei	50,254	0.17%	0.62%

Nguồn: Vietstock.vn, BSC tổng hợp

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	62.87	-0.08%
Giá vàng	4,164	-0.75%
Tỷ giá		
USD/VND	26,412	0.01%
EUR/VND	31,334	-0.20%
JPY/VND	173	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	4.0%	0.00%
LS LNH 1M	6.2%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC

Mục lục

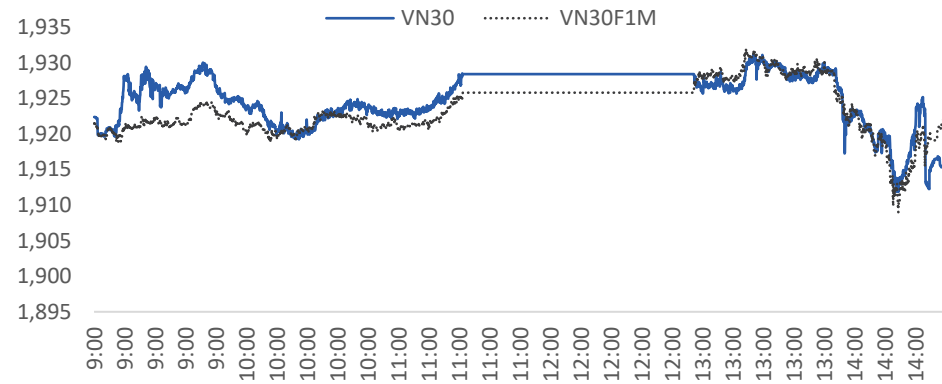
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs VN30F1M Intraday



Nguồn: BSC tổng hợp

HĐTL	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
41I1G1000	1915.30	-0.10%	443	67.8%	15/01/2026	48
41I1G6000	1911.00	-0.08%	4	-76.5%	18/06/2026	202
VN30F2512	1923.00	0.10%	205,294	-8.4%	18/12/2025	20
41I1G3000	1917.40	0.39%	26	44.44%	19/03/2026	111

Nguồn: BSC

Nhận định

- VN30 +2.74 điểm, đóng cửa tại 1923.92 điểm. Biên độ dao động 19.43 điểm. Các cổ phiếu như VIC, VNM, VRE, VJC, VPB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 giảm co với thanh khoản thấp ở dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ 41I1G1000, 41I1G6000. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ 41I1G6000, VN30F2512.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVNM2516	3/12/2025	5	755,000	-1.42%	61.18	250	38.9%	0.38	63.09	64.00	64.00
CVNM2513	15/12/2025	17	2,302,900	0.05%	58.17	1,270	36.6%	1.30	64.03	64.00	64.00
CVNM2510	12/01/2026	45	1,245,800	1.85%	56.32	1,200	21.2%	1.10	65.18	64.00	64.00
CVPB2510	23/02/2026	87	100	13.98%	23.04	5,290	20.5%	3.38	33.34	29.25	29.25
CVNM2503	26/03/2026	118	493,900	7.72%	63.21	1,250	19.0%	0.92	68.94	64.00	64.00
CVRE2512	20/05/2026	173	45,300	1.84%	23.50	5,690	18.3%	5.73	34.88	34.25	34.25
CVJC2505	3/03/2026	95	9,000	5.88%	106.87	5,430	14.8%	4.90	215.47	203.50	203.50
CVNM2518	3/04/2026	126	338,500	13.39%	65.11	780	13.0%	0.35	72.57	64.00	64.00
CVNM2522	8/06/2026	192	213,500	12.03%	57.84	1,450	12.4%	0.93	71.70	64.00	64.00
CVNM2511	20/05/2026	173	1,540,400	2.68%	52.58	2,290	12.3%	2.25	65.71	64.00	64.00
CVHM2518	4/05/2026	157	5,200	14.48%	91.00	3,350	11.7%	2.12	117.80	102.90	102.90
CVNM2519	4/05/2026	157	430,600	15.01%	65.96	800	11.1%	0.37	73.61	64.00	64.00
CVNM2514	23/01/2026	56	92,700	0.14%	53.54	1,380	10.4%	1.42	64.09	64.00	64.00
CVNM2515	23/06/2026	207	238,600	7.43%	57.36	2,980	10.4%	2.46	68.75	64.00	64.00
CVIC2515	16/10/2026	322	25,200	25.27%	245.00	10,150	10.2%	5.72	326.20	260.40	260.40
CVIC2509	12/01/2026	45	94,600	3.07%	68.00	50,100	9.4%	48.20	268.40	260.40	260.40
CVRE2523	25/03/2026	117	133,500	15.50%	35.00	1,140	8.6%	0.69	39.56	34.25	34.25
CVIC2516	18/01/2027	416	122,600	29.80%	250.00	11,000	7.8%	6.10	338.00	260.40	260.40
CVNM2521	25/06/2026	209	15,500	24.28%	67.30	1,280	7.6%	0.39	79.54	64.00	64.00
CVNM2520	23/07/2026	237	13,100	15.57%	63.19	1,610	5.9%	0.91	73.96	64.00	64.00

Nguồn: BSC

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 28/11/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giảm co của cổ phiếu cơ sở.
 - CVNM2516 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 38.89%. CHPG2518 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 7.31%.
 - CVHM2521, CVRE2526, CVHM2524, CFPT2503, CSTB2533 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.
- CVIC2509, CVIC2508, CVIC2510, CVIC2511, CVHM2510 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	260.40	5.00%	11.31	3.88
VPL	95.00	6.15%	2.34	1.79
VNM	64.00	3.23%	0.97	2.09
VHM	102.90	0.39%	0.37	4.11
VRE	34.25	1.78%	0.31	2.27

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	32.20	1.26%	0.11	0.48
IDC	40.30	1.26%	0.11	0.38
PVI	87.80	0.80%	0.10	0.23
VNR	20.70	2.48%	0.06	0.20
EVS	6.50	8.33%	0.05	0.16

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
TTF	3.10	6.90%	0.02	2.85
PLP	7.31	6.87%	0.01	1.45
ICT	21.95	6.81%	0.01	0.31
STG	34.90	6.24%	0.05	0.00
VPL	95.00	6.15%	2.34	2.10

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NBW	34.90	9.75%	0.14	0.00
VTC	17.00	9.68%	0.03	0.03
SJ1	12.00	9.09%	0.18	0.00
MST	6.30	8.62%	0.23	6.15
EVS	6.50	8.33%	0.33	0.25

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	57.40	-0.86%	-0.92	8.36
FPT	97.10	-2.41%	-0.89	1.70
GEE	197.00	-5.29%	-0.85	0.37
BID	37.10	-1.20%	-0.70	7.02
HPG	26.55	-1.30%	-0.59	7.68

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	133.40	-9.99%	-1.57	0.20
KSF	73.50	-1.08%	-0.42	0.90
HUT	16.60	-3.49%	-0.36	1.07
SHS	21.00	-1.87%	-0.21	0.90
MBS	28.50	-1.72%	-0.17	0.59

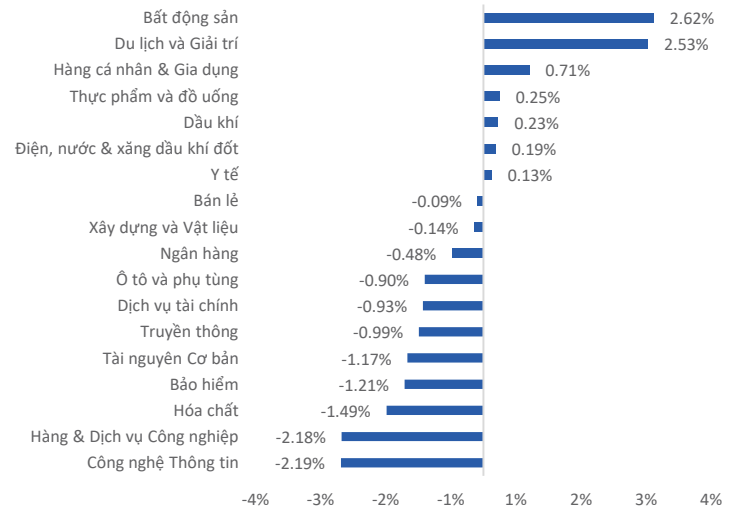
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
SVI	44.15	-6.95%	-0.01	0.01
TNI	5.57	-6.86%	0.00	0.68
VNG	7.16	-6.65%	-0.01	0.01
DTL	12.40	-6.06%	-0.01	0.00
GEE	197.00	-5.29%	-0.85	1.13

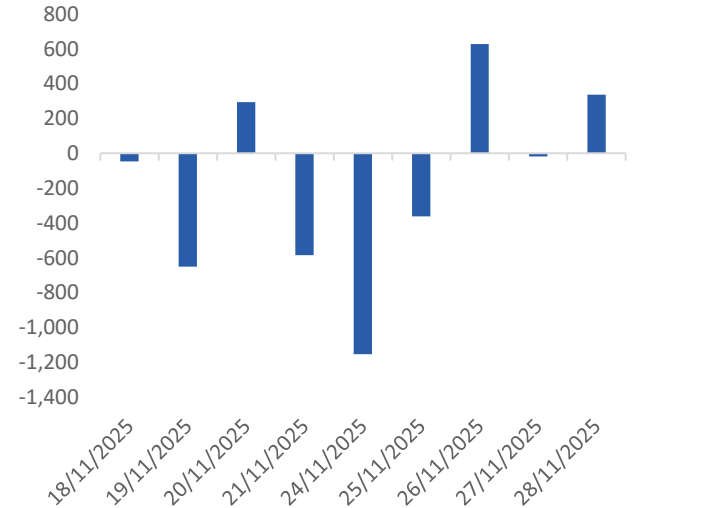
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	133.40	-9.99%	-9.99	0.38
HEV	7.30	-9.88%	0.00	0.00
PTX	24.80	-9.82%	-0.06	0.00
NHC	19.40	-9.77%	-0.02	0.00
AMC	18.80	-9.62%	-0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	79.9	-0.1%	1.2	118,129	313.3	3,955	20.2	100,800	46.1%	Link
KBC	Bất động sản	35.3	-1.1%	1.6	33,244	111.2	1,872	18.9	46,000	10.4%	Link
KDH	Bất động sản	35.0	-1.1%	1.1	39,278	154.9	857	40.8	39,900	27.5%	Link
PDR	Bất động sản	22.5	0.0%	1.7	22,046	170.4	211	106.6	28,200	9.0%	Link
VHM	Bất động sản	102.9	0.4%	1.3	422,653	357.7	6,133	16.8	119,600	9.0%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	97.1	-2.4%	0.8	165,411	802.9	5,280	18.4	118,700	38.8%	Link
BSR	Dầu khí	15.5	0.0%	0.0	77,613	37.7	413		23,200	0.5%	Link
PVS	Dầu khí	32.2	1.3%	1.3	16,468	167.9	2,841	11.3	42,800	12.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	22.2	-1.3%	1.4	23,921	103.8	1,397	15.9		34.6%	
SSI	Dịch vụ tài chính	32.8	-1.2%	1.4	68,090	899.1	1,882	17.4		32.6%	
VCI	Dịch vụ tài chính	33.8	-0.3%	1.3	24,388	210.9	1,589	21.2		15.5%	
DCM	Hóa chất	33.9	-0.2%	1.1	17,947	28.0	3,578	9.5	47,300	3.7%	Link
DGC	Hóa chất	94.3	-0.7%	1.0	35,813	93.4	8,296	11.4	109,300	10.6%	Link
ACB	Ngân hàng	24.3	-0.4%	0.8	124,564	137.7	3,385	7.2	28,400	29.2%	Link
BID	Ngân hàng	37.1	-1.2%	0.9	260,493	32.8	3,781	9.8	49,500	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	49.0	0.3%	1.1	263,130	231.4	6,208	7.9	53,500	25.5%	Link
HDB	Ngân hàng	32.0	0.0%	1.3	123,501	458.0	3,658	8.8	34,400	23.8%	Link
MBB	Ngân hàng	23.3	-1.1%	1.1	187,279	275.0	3,017	7.7	29,300	20.1%	Link
MSB	Ngân hàng	13.2	0.8%	1.1	41,028	309.8	1,729	7.6	14,000	29.3%	Link
STB	Ngân hàng	48.6	-1.4%	1.0	91,621	315.3	6,519	7.5		14.8%	
TCB	Ngân hàng	33.8	0.0%	1.2	239,161	825.3	3,112	10.9	43,500	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	17.3	-0.3%	1.1	47,991	65.1	2,358	7.3	-	24.5%	Link
VCB	Ngân hàng	57.4	-0.9%	0.7	479,616	214.8	4,202	13.7	73,200	21.4%	Link
VIB	Ngân hàng	18.5	-0.8%	1.0	62,974	143.8	2,225	8.3	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	29.3	0.5%	1.4	232,067	383.1	2,603	11.2	35,650	24.2%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.6	-1.3%	1.0	203,784	753.8	1,876	14.2	33,170	19.4%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	16.7	-0.9%	1.3	10,370	85.0	1,178	14.2	19,800	4.7%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	26.7	-0.2%	0.9	10,257	54.0	4,150	6.4	28,800	2.0%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	77.4	-1.4%	1.2	111,914	402.0	2,196	35.2	98,300	23.0%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	64.0	3.2%	0.6	133,757	768.5	4,160	15.4	64,500	50.0%	Link

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	43.7	-1.02%	1.1	9,665	100.0	2,412	18.1	22.1%	17.1%	Link
FRT	Bán lẻ	147.0	0.62%	0.9	25,034	79.1	3,620	40.6	32.1%	24.8%	Link
BVH	Bảo hiểm	52.1	-1.51%	0.9	38,675	8.2	3,578	14.6	26.9%	11.3%	
DIG	Bất động sản	20.7	1.98%	1.3	16,446	179.9	511	40.4	4.2%	4.4%	
DXG	Bất động sản	18.8	0.27%	1.5	19,155	174.3	401	46.9	20.5%	3.2%	Link
HDC	Bất động sản	27.3	-0.37%	1.3	5,443	29.8	3,057	8.9	2.8%	25.2%	
HDG	Bất động sản	31.8	-1.40%	1.5	11,746	63.4	938	33.8	21.1%	5.5%	Link
IDC	Bất động sản	40.3	1.26%	1.2	15,294	100.3	4,849	8.3	11.0%	31.5%	Link
NLG	Bất động sản	36.0	0.70%	1.2	17,443	34.4	2,157	16.7	45.3%	8.8%	Link
SIP	Bất động sản	56.6	-0.70%	1.2	13,704	16.8	5,474	10.3	3.1%	28.2%	
SZC	Bất động sản	30.9	-1.44%	1.3	5,562	12.7	1,763	17.5	2.5%	10.1%	Link
TCH	Bất động sản	20.5	0.49%	1.5	18,653	116.5	801	25.6	12.7%	5.7%	Link
VIC	Bất động sản	260.4	5.00%	1.0	1,003,325	3863.2	2,287	113.9	3.8%	6.2%	Link
VRE	Bất động sản	34.3	1.78%	1.5	77,827	321.8	2,144	16.0	13.7%	11.1%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	37.4	-0.40%	0.8	7,919	7.2	1,833	20.4	38.3%	13.1%	Link
PLX	Dầu khí	33.9	-0.29%	0.7	43,073	31.0	2,090	16.2	14.7%	10.3%	Link
PVD	Dầu khí	26.7	3.09%	1.0	14,842	793.8	1,602	16.7	7.6%	5.5%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	32.4	-1.07%	1.2	11,227	21.2	1,262	25.7	24.8%	10.1%	
MBS	Dịch vụ tài chính	28.5	-1.72%	1.6	18,773	61.4	1,678	17.0	5.2%	13.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	63.4	0.63%	0.6	152,981	79.0	5,014	12.7	1.8%	18.9%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.3	0.00%	0.9	35,714	192.1	812	18.8	3.7%	5.8%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	65.2	-1.21%	0.7	35,316	8.8	4,776	13.7	49.0%	13.2%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	203.5	0.74%	0.7	120,393	306.0	2,897	70.3	7.2%	7.8%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.6	-2.92%	1.5	42,007	827.2	2,313	20.1	7.9%	14.1%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	64.0	0.16%	1.0	27,296	162.0	3,501	18.3	43.2%	11.2%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	60.9	1.00%	0.8	10,284	95.6	6,185	9.9	7.2%	31.0%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.9	1.34%	0.8	8,858	167.1	2,090	9.0	9.4%	12.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	99.0	-0.80%	0.0	12,057	54.1	3,139	31.5	4.7%	23.0%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	91.0	0.89%	0.8	31,045	40.1	6,918	13.2	48.8%	20.0%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	28.2	0.00%	0.9	3,159	39.4	2,535	11.1	48.5%	12.3%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	19.3	-0.52%	1.3	2,485	14.8	2,872	6.7	17.0%	18.7%	Link
DPM	Hóa chất	23.1	-0.86%	1.0	15,706	62.9	1,212	19.1	3.7%	7.4%	Link
GVR	Hóa chất	27.3	-2.15%	1.6	109,200	57.0	1,569	17.4	0.4%	11.3%	
EIB	Ngân hàng	22.0	-1.12%	1.1	40,980	94.0	1,635	13.5	3.1%	11.8%	Link
LPB	Ngân hàng	48.6	-1.42%	0.8	145,182	74.4	3,469	14.0	1.0%	23.9%	Link
NAB	Ngân hàng	14.3	0.00%	0.0	24,534	20.9	2,337	6.1	1.5%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	12.3	-0.81%	1.0	32,756	22.0	1,460	8.4	19.6%	12.0%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	16.2	-0.92%	1.3	7,251	59.0	571	28.4	5.0%	3.2%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	29.3	-0.17%	1.3	7,788	32.8	2,829	10.3	4.0%	24.1%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.5	0.00%	0.7	9,577	25.6	1,715	18.4	2.8%	12.8%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	46.4	0.00%	0.6	59,511	24.1	3,373	13.8	58.5%	18.9%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	57.6	-0.35%	0.9	12,929	75.2	6,944	8.3	19.6%	17.0%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	157.9	1.09%	0.3	12,926	8.5	14,639	10.8	85.1%	41.2%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	85.5	-2.29%	1.0	8,672	41.1	6,560	13.0	49.0%	7.4%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	86.4	-1.59%	0.9	9,883	21.1	5,128	16.9	5.1%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	43.6	-1.36%	1.1	4,395	27.9	3,037	14.4	5.6%	15.0%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	14.3	1.79%	1.4	7,088	74.5	1,106	12.9	9.7%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	21.7	-1.36%	1.0	8,925	19.9	1,377	15.8	12.4%	10.0%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	23.8	-1.25%	1.0	15,354	102.6	6,148	3.9	4.9%	44.3%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	44.0	-1.79%	1.2	19,727	29.6	3,090	14.2	2.9%	15.8%	

Nguồn: FiinPro-X, BSC

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC Navigator T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	X		Click
2	BSC Navigator T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Click
3	BSC Insight Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Click
4	BSC Navigator T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC Navigator T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Click
6	Equity 360 Báo cáo ngành Q3.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
7	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 07/2025_Thuế quan – Các thông tin mới nhất từ Hoa Kỳ	x		Click
8	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 06/2025_Đòn bẩy nội lực - Chiến lược tăng trưởng trong thời kỳ mới	x		Click
9	BSC_ Báo cáo ngành Q2.2025: Kỳ nguyên vượn mình		x	Click
10	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
11	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
12	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
13	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
14	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
15	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
16	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
17	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
18	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
19	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
20	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
21	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
22	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
23	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
24	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
25	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
26	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
27	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích - Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660
Khu vực miền Nam: (028) 38218 889

Website: <http://www.bsc.com.vn>